

# NAM CÁT TIÊN

Tiêu chí : A1, A2 & A3

**Tỉnh:** Đồng Nai  
**Tình trạng:** Vườn Quốc gia  
**Vĩ độ:** 11°27'N  
**Kinh độ:** 107°20'E  
**Diện tích:** 38.302 ha  
**Độ cao:** 100-372 m so với mặt biển



## VCĐH / PVCĐH:

VCĐH Đất thấp Nam Việt Nam

## Cảnh quan ưu tiên:

SA 5 - Đất thấp lưu vực sông Đồng Nai

## Mô tả chung

VCQT này bao gồm Phân khu Nam Cát Tiên của Vườn Quốc gia Cát Tiên nằm trong vùng đất thấp miền Đông Nam Bộ. Địa hình của VCQT đặc trưng bởi một vùng đồng bằng ở phía đông, và các ngọn núi thấp ở phía tây. Vùng đất thấp ở phía bắc VCQT có các đầm lầy ngập nước theo mùa và các hồ có nước thường xuyên, nơi đây có rất ít hệ thống nước lưu chuyển. Về phía đông, VCQT có ranh giới là sông Đồng Nai, con sông này thường xuyên dâng nước vào mùa mưa làm ngập các vùng đất thấp hơn trong VCQT. Kiểu thảm thực vật chủ yếu tại VCQT là rừng bán thường xanh và rừng thường xanh đất thấp. Không chỉ có tầm quan trọng rất cao đối với việc bảo tồn các loài chim, VCQT Nam Cát Tiên còn có tầm quan trọng quốc tế về bảo tồn các loài thú do nơi đây có các quần thể Voi *Elephas maximus*, Bò tót *Bos gaurus*, Voọc vá chân đen *Pygathrix nigripes* và Vượn đen má vàng *Nomascus gabriellae*<sup>1</sup>.

## Khu hệ chim: Những nét chính

Nam Cát Tiên là nơi có khu hệ chim của rừng đất thấp nguyên vẹn nhất ở Việt Nam. Đáng chú ý nhất, đã có ghi nhận chắc chắn về 16 loài chim đang hoặc gần bị đe dọa trên toàn cầu tại Nam Cát Tiên, số lượng cao nhất trong các VCQT ở Việt Nam. Trong số các loài này có loài bị đe dọa ở mức Tối nguy cấp là Cò quăm cánh xanh *Pseudibis davisoni*, ngoài Nam Cát Tiên, loài này mới chỉ mới có ghi nhận tại một khu vực khác ở Việt Nam, và loài Nguy cấp Ngan cánh trắng *Cairina scutulata*, loài chỉ có ghi nhận tại hai khu vực khác ở Việt Nam. Đáng tiếc là tại VCQT, cả hai loài này đều rất hiếm, và có thể loài thứ hai hiện không còn tồn tại tại VCQT. Ngoài tầm quan trọng về bảo tồn các loài đang hoặc gần bị đe dọa tuyệt chủng, VCQT Nam Cát Tiên còn là nơi có cả ba loài chim có vùng phân bố hẹp được xác định cho Vùng Chim Đặc hữu (VCĐH) Đất thấp Nam Việt Nam là Gà so cổ hung *Arborophila davidi*, Gà tiền mặt đỏ *Polyplectron germaini* và Chích chạch má xám *Macronous kelleyi*. Trong ba loài trên, quan trọng nhất có lẽ là Gà so cổ hung, một loài đang nguy cấp trên toàn cầu có vùng phân bố thế giới chỉ giới hạn bên trong VCĐH. Ngoài Nam Cát Tiên, loài này mới chỉ được ghi nhận tại một khu vực khác là VCQT Cát Lộc.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Cò quăm cánh xanh <i>Pseudibis davisoni</i>	A1	CR	1	Có đến ba cá thể được quan sát ở vùng đất ngập nước Đak Lua vào tháng 6/1991 <sup>2</sup> , và có lẽ vẫn những cá thể trên thường xuyên được quan sát đến tận tháng 3/1999 <sup>3</sup> .
Gà so cổ hung <i>Arborophila davidi</i>	A1, A2	EN	1	Loài này có vùng phân bố đã được xác định tại VCQT và chỉ tìm thấy ở độ cao trên 140m <sup>4</sup> .
†Ngan cánh trắng <i>Cairina scutulata</i>	A1	EN	2	Quan sát được một cá thể ở vùng đất ngập nước Bàu Sấu vào tháng 1/1990 <sup>5</sup> và dân địa phương cung cấp thông tin về 2 cá thể ở phía đông bắc VCQT vào đầu năm 1991 <sup>6</sup> . Do số lượng ghi nhận rất ít mặc dù đã có nhiều nỗ lực điều tra, khu vực này không có vẻ như có một số lượng đáng kể của loài.
Gà tiền mặt đỏ <i>Polyplectron germaini</i>	A1, A2	VU	4	Loài này là loài phổ biến trong VCQT này vào những năm 1990 <sup>3</sup> . Thường xuyên được ghi nhận trong hai chuyến khảo sát từ tháng 1 đến 5/2000 và từ tháng 4 đến 6/2001 <sup>4</sup> .
Công <i>Pavo muticus</i>	A1, A3	VU	8	Có rất nhiều ghi nhận về loài này những năm 1990, trong đó có một lần 17 cá thể vào tháng 12/1989 và tháng 1/1990 <sup>7</sup> , 16 cá thể vào 6/1991 <sup>2</sup> và 5 cá thể 4/1998 <sup>7</sup> . Trong hai chuyến khảo sát được tiến hành vào tháng 1-5/2000 và 4-6/2001, ít nhất có 18 lần ghi nhận loài này <sup>4</sup> .

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
†Sếu đầu đỏ <i>Grus antigone</i>	A1	VU	4	Hai cá thể được ghi nhận khi bay qua VCQT vào tháng 2/2000 <sup>8</sup> , do đây là ghi nhận duy nhất về loài này tại VCQT mặc dù đã có nhiều nỗ lực điều tra, rất có thể loài này không tồn tại tại VCQT với số lượng đáng kể.
Già đầy Ja-va <i>Leptoptilos javanicus</i>	A1	VU	7	Loài này thường xuyên được quan sát trong những năm gần đây, có lẽ chúng làm tổ sinh sản trong VCQT <sup>3</sup> .
†Đuôi cụt bụng đỏ <i>Pitta nympha</i>	A1, A3	VU	2	Đã quan sát và chụp ảnh được một cá thể, có lẽ trên đường di cư, vào tháng 10/2000 <sup>8</sup> . Tuy nhiên, không có vẻ có một quần thể đáng kể của loài này tại VCQT.
Gà lôi hồng tía <i>Lophura diardi</i>	A1, A3	NT	13	Đây là loài phổ biến và phân bố khắp nơi trong VCQT với rất nhiều ghi nhận trong những năm gần đây <sup>2,4,5,8,9</sup> .
Hồng hoàng <i>Buceros bicornis</i>	A1	NT	13	Loài này đã rất nhiều lần được ghi nhận trong đó có một đàn 31 cá thể vào tháng 2/2000 <sup>8</sup> .
Điêu cá bé <i>Ichthyophaga humilis</i>	A1	NT	6	Hai cá thể được ghi nhận từ tháng 1 đến 2/2001 <sup>10</sup> .
Điêu cá đầu xám <i>Ichthyophaga ichthyaetus</i>	A1	NT	8	Nhiều lần ghi nhận các cá thể đơn lẻ hoặc đi thành nhóm nhỏ tại khu vực <sup>5,10,11,12</sup> .
Cát nhỏ hồng trắng <i>Polihierax insignis</i>	A1, A3	NT	4	Hai lần quan sát được một cá thể trong thời gian tháng 3-4/1996 <sup>13</sup> . Loài này cũng vài lần được ghi nhận vào tháng 3/1999 <sup>14</sup> .
Điêng điêng <i>Anhinga melanogaster</i>	A1	NT	9	Loài này đã nhiều lần được ghi nhận với số đếm cao nhất là 13 cá thể vào tháng 10/1993 <sup>5,8</sup> .
Giang sen <i>Mycteria leucocephala</i>	A1	NT	10	Loài này đã nhiều lần được ghi nhận trong đó có số đếm cao nhất vào tháng 1/1990 là 14 cá thể <sup>5</sup> , 36 cá thể vào tháng 12/1991 và từ 29 đến 38 cá thể vào tháng 1/1998 <sup>8</sup> .
Rồng rộc vàng <i>Ploceus hypoxanthus</i>	A1	NT	3	Có nhiều lần ghi nhận loài này trong đó có 14 cá thể được ghi nhận ở vùng đất ngập nước Bàu Sấu vào tháng 3/2000 <sup>8</sup> .
Chích chạch má xám <i>Macronous kellei</i>	A2		12	Loài này thường xuyên được ghi nhận tại VCQT <sup>6,7</sup> .

Ghi chú: † = không khẳng định thường xuyên phân bố với số lượng đáng kể.

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do có 15 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Rừng ẩm Nhiệt đới Đông Dương (09) và 14 loài chỉ phân bố trong Đơn vị Địa Sinh học Vùng khô nhiệt đới Indo-Malayan (11). Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn

Loài	Tình trạng	Loài	Tình trạng
Cu li nhỏ <i>Nycticebus pygmaeus</i> <sup>15,16</sup>	VU	[Rùa hộp lưng đen <i>Cuora amboinensis</i> ] <sup>16</sup>	VU
Khỉ đuôi lợn <i>Macaca leonina</i> <sup>15,16,17</sup>	VU	[Rùa đất lớn <i>Heosemys grandis</i> ] <sup>16</sup>	VU
†Khỉ vàng <i>Macaca mulatta</i> <sup>16,17</sup>	NT	[Rùa răng <i>Hieremys annandali</i> ] <sup>16</sup>	EN
Khỉ đuôi dài <i>Macaca fascicularis</i> <sup>15,16,17</sup>	NT	[Rùa ba gờ <i>Malayemys subtrijuga</i> ] <sup>16</sup>	VU
Khỉ mặt đỏ <i>Macaca arctoides</i> <sup>15,16,17</sup>	VU	Rùa cổ bự <i>Siebenrockiella crassicollis</i> <sup>16</sup>	VU
Vọc mào <i>Trachypitecus villosus</i> <sup>15,16</sup>	DD	Rùa núi vàng <i>Indotestudo elongata</i> <sup>16</sup>	EN
Vọc vá chân đen <i>Pygathrix nigripes</i> <sup>15,16,17</sup>	EN	Ba ba Nam Bộ <i>Amyda cartilaginea</i> <sup>16</sup>	VU
Vượn đen má vàng <i>Nomascus gabriellae</i> <sup>15,16,17</sup>	VU	Bò tót <i>Bos gaurus</i> <sup>15,16</sup>	VU
Voi <i>Elephas maximus</i> <sup>16,17</sup>	EN	[Bò rừng <i>Bos javanicus</i> ] <sup>15,16</sup>	EN
*Cá sấu nước ngọt <i>Crocodylus siamensis</i> <sup>17,18</sup>	CR	[Sơn dương <i>Naemorhedus sumatraensis</i> ] <sup>16</sup>	VU

Ghi chú: [ ] = ghi nhận chưa được kiểm chứng; \* = quần thể mới được đưa vào lại.

### Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học

Dân số sống trong VCQT Nam Cát Tiên rất thấp, tuy nhiên, dân số ở các khu vực xung quanh lại rất cao và chủ yếu là dân di cư tự do từ các vùng khác của Việt Nam. Mặc dù mật độ dân số cao ở các vùng xung quanh, nhưng do Ban Quản lý Vườn Quốc gia đã thực thi tương đối hiệu quả các quy chế về quản lý khu bảo vệ, sức ép của con người lên tài nguyên thiên nhiên của VCQT lại trong đối thấp.

Các mối đe dọa đến tính đa dạng sinh học của VCQT bao gồm săn bắn, khai thác gỗ, thu hái lâm sản phi gỗ và mở rộng sản xuất nông nghiệp. Một phần diện tích của VCQT được xác định là đất nông nghiệp và do đó không nằm trong khu vực quản lý của Vườn Quốc gia. Việc thiếu điều tiết giữa các cơ quan nhà nước đã tạo ra xu hướng các hoạt động phát triển nông nghiệp lấn át bảo tồn đa dạng sinh học tại khu vực<sup>1</sup>.

Có lẽ mối đe dọa lớn nhất đối với đa dạng sinh học tại VCQT là phát triển cơ sở hạ tầng. Hiện đang có kế hoạch nâng cấp con đường phía đông của VCQT và làm cầu qua sông Đồng Nai, con sông đóng vai trò hàng rào tự nhiên ngăn cản mọi xâm nhập trái phép vào VCQT. Những kế hoạch phát triển này sẽ tạo điều kiện cho việc khai thác trái phép tài nguyên của VCQT, làm tăng mật độ giao thông và gây ra những xáo trộn nghiêm trọng đến các quần thể chim thú. Một trong những mối đe dọa tiềm năng khác xuất phát từ kế hoạch xây dựng các đập thủy điện trên sông Đồng Nai, vùng thượng nguồn của VCQT. Những đập này sẽ làm thay đổi chế độ dòng chảy của sông và làm thay đổi thủy chế tại VCQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng lên các vùng đất ngập nước và các khu rừng ngập nước theo mùa.

Mối đe dọa tiềm năng cuối cùng là việc phát triển du lịch dẫn đến làm tăng sự xáo trộn lên các quần thể động thực vật hoang dã trong VCQT hoặc sẽ dẫn đến những hoạt động phát triển hạ tầng du lịch ô át đi ngược lại với các mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Thâm canh nông nghiệp	•
Xây dựng kè/ đập	• •
Nhiều loạn các loài chim	•
Săn bắn	•
Phát triển cơ sở hạ tầng	• •
Du lịch/ giải trí	•
Khai thác chọn gỗ/ củi	•
Khai thác không bền vững LSPG	•

### Các hoạt động bảo tồn

- Năm 1978, Chính phủ Việt Nam đã ra quyết định thành lập Rừng cấm Nam Cát Tiên, và vào năm 1992, Nam Cát Tiên được nâng cấp lên thành vườn quốc gia.
- Năm 1998, vườn quốc gia được mở rộng ra thêm Phân khu Cát Lộc ở tỉnh Lâm Đồng và Phân khu Tây Cát Tiên ở tỉnh Bình Phước<sup>1</sup>.
- Năm 1998, WWF và Bộ Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn đã khởi động một dự án năm năm có tên gọi *Dự án bảo tồn Vườn Quốc gia Cát Tiên*, với nguồn vốn của hai Chính phủ Việt Nam và Hà Lan<sup>1</sup>. Năm 2002, dự án này được quyết định mở rộng thêm hai năm.
- Năm 1999, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bộ Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn bắt đầu thực hiện một dự án có tên *Dự án bảo vệ rừng và phát triển nông thôn*, với nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Hà Lan<sup>1</sup>.
- Trong các năm 1999 và 2000, U.S. Fish and Wildlife Service (Cơ quan cấp bộ về cá và động vật hoang dã của Chính phủ Hoa Kỳ) đã tài trợ cho WWF thực hiện một dự án nhỏ tại Vườn Quốc gia Cát Tiên, với các hoạt động nghiên cứu khoa học và nâng cao nhận thức liên quan tới loài Voi<sup>1</sup>.

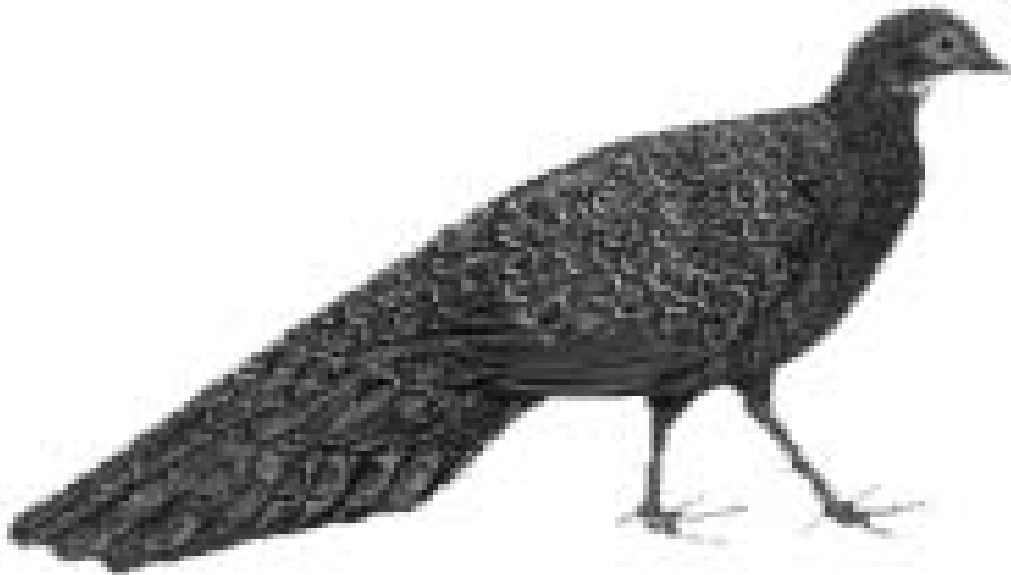
### Kiến nghị

- Việc kiểm soát săn bắn, khai thác lâm sản và phá rừng làm nương rẫy cần được duy trì và tăng cường.
- Cần tiến hành đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng con đường đi qua VCQT, và các biện pháp giảm thiểu tác động phù hợp cần phải được thực hiện.
- Cần tiến hành đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng bất cứ đập nào ở vùng thượng nguồn của VCQT trên sông Đồng Nai, đặc biệt tập trung vào các tác động có thể xảy ra đối với các vùng đất ngập nước và rừng ngập nước theo mùa tại VCQT, và các biện pháp giảm thiểu tác động phù hợp cần phải được thực hiện kể cả việc loại bỏ kế hoạch xây đập.
- Các hoạt động nhận thức môi trường hiện đang được tiến hành với các cộng đồng sống xung quanh VCQT cần được tiếp tục.
- Cần đánh giá tính khả thi mở rộng vườn quốc gia hoặc ban hành các phân hạng sử dụng đất thích hợp cho các diện tích sinh cảnh tự nhiên bên ngoài VCQT.

### Tài liệu tham khảo

- BirdLife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2001) *Sách thông tin về các khu bảo vệ hiện có và đề xuất ở Việt Nam*. Hà Nội: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng.
- Eames, J. C., Robson, C. R., Nguyen Cu and Truong Van La (1992) *Forest bird surveys in Vietnam 1991*. Unpublished report to the International Council for Bird Preservation.
- Birdlife International (2001) *Threatened birds of Asia: the Birdlife International Red Data Book*. Cambridge, U.K.: Birdlife International.
- Nguyen Tran Vy, Nguyen Hoang Hao, Le Van Tinh, Tran Dinh Hung and Nguyen Viet Su (2001) *Pheasant survey in Cat Tien National Park, Vietnam, 2001*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
- Robson, C. R., Eames, J. C., Newman, M., Nguyen Cu and Truong Van La (1991) *Forest bird surveys in Vietnam 1989/90*. Unpublished final report to the International Council for Bird Preservation.
- Robson, C. R., Eames, J. C., Nguyen Cu and Truong Van La (1993) Birds recorded during the third BirdLife/Forest Birds Working Group expedition in Vietnam. *Forktail* 9: 89-119.
- Hombuckle, J. (1998) Vietnam trip report 24 March to 14 April 1998. Unpublished report posted on the WorldTwitch Website.

8. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep.) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
9. Atkins, R. A. and Tentij, M. (1998) *The Orange-necked Partridge Arborophila davidi and five other galliformes in two protected areas in southern Vietnam*. Amsterdam: Institute of Systematics and Population Biology, University of Amsterdam.
10. Nguyen Tran Vy, Nguyen Hoang Hao, Le Van Tinh, Tran Dinh Hung and Nguyen Viet Su (2001) *Water-related birds survey in Cat Tien National Park, Vietnam, 2001*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
11. Nguyen Tran Vy, Tran Van Mui and Polet, G. (1999) *The 1999 survey on water-related birds in Cat Tien National Park, Vietnam*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
12. Nguyen Tran Vy, Le Hoang Hao, Le Van Tinh and Tran Dinh Hung (2000) *The year 2000 survey of waterfowl in Cat Tien National Park, Vietnam*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
13. Farnes, R., Smith, T., Beste, H. and Beste, J. (1996) Unpublished list of birds recorded at Cat Tien National Park.
14. Chia, A., Lee, K., Owyong, A. and Leng, S. (1999) Unpublished list of birds recorded in southern Vietnam.
15. Murphy, D. (2001) *Mammal observations in Cat Tien National Park, Vietnam*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
16. Wuytack, J. (2000) *The wetlands of Cat Tien National Park, Vietnam: feasibility study for the nomination of the Bau Sau wetland complex as a Ramsar site*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
17. Ling, S. (2000) *A survey of wild cattle and other mammals, Cat Tien National Park, Vietnam*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.
18. Bembrick, J. and Cannon, Z. (1999) *A report on the Siamese Crocodile Crocodylus siamensis in Cat Tien National Park*. Cat Tien: WWF Cat Tien National Park Conservation Project.



Gà tiên mặt đỏ *Polyplectron germaini*